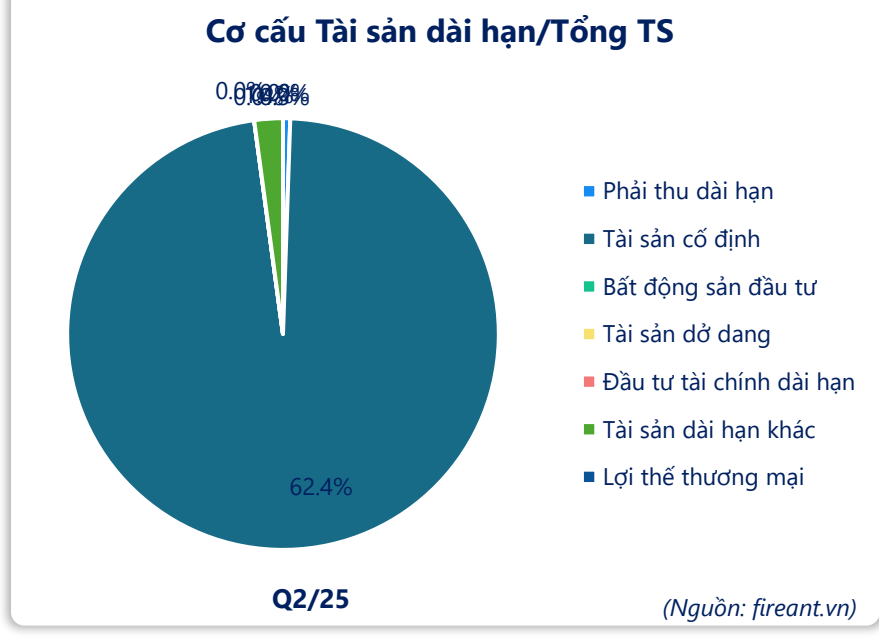
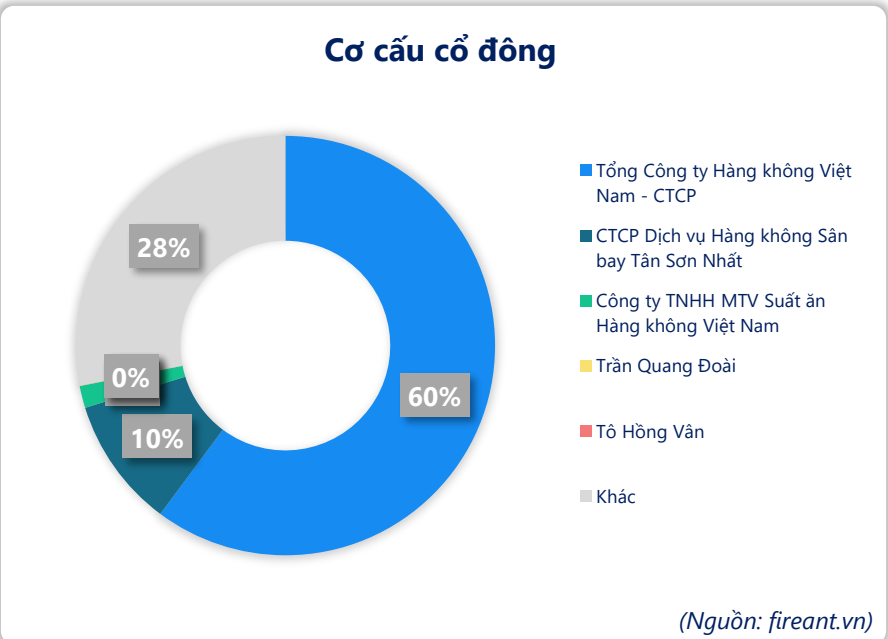
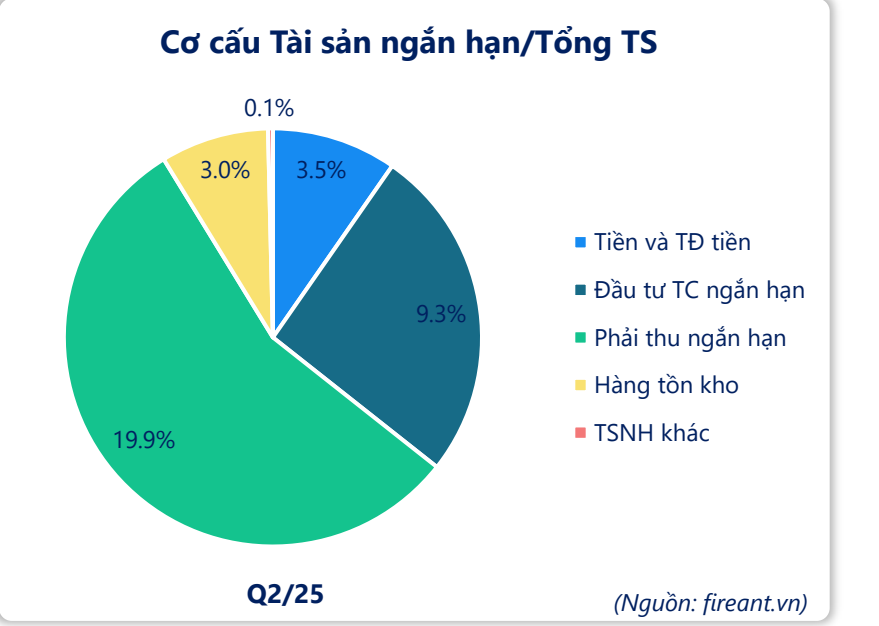
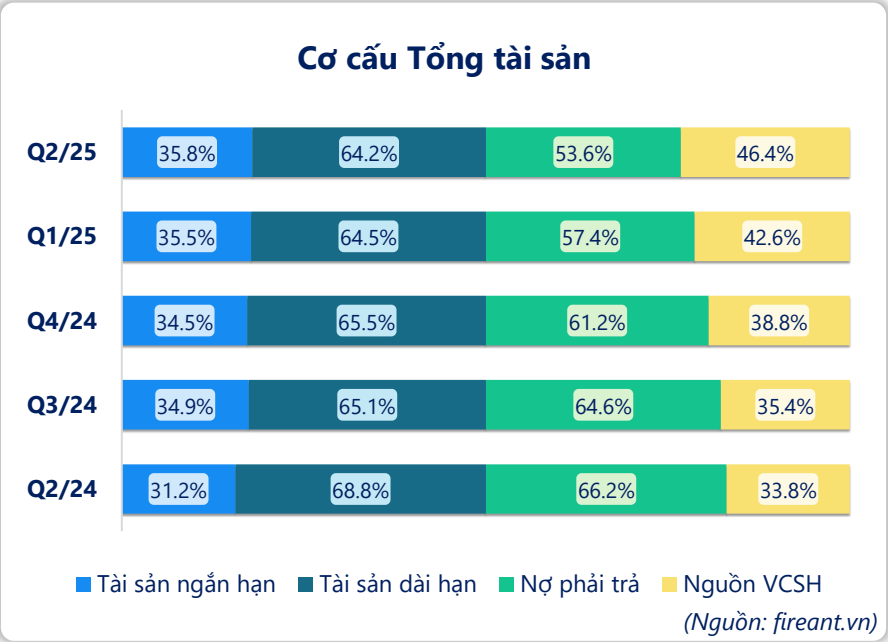
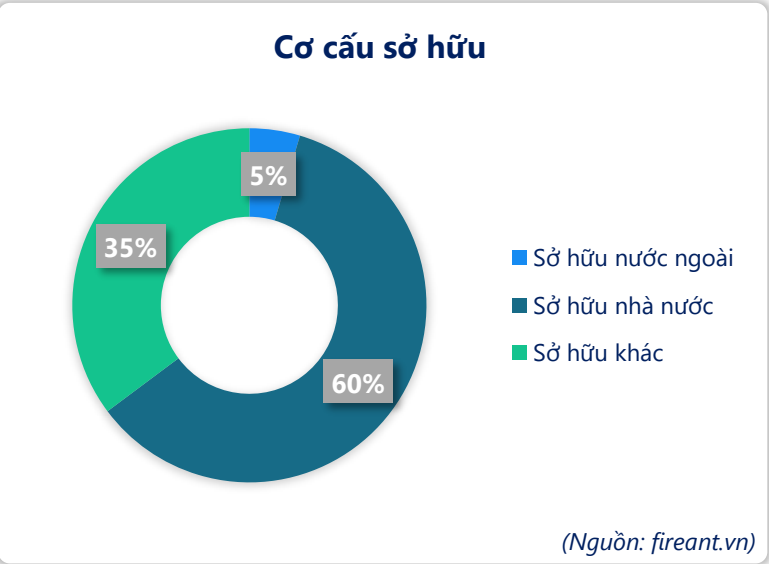
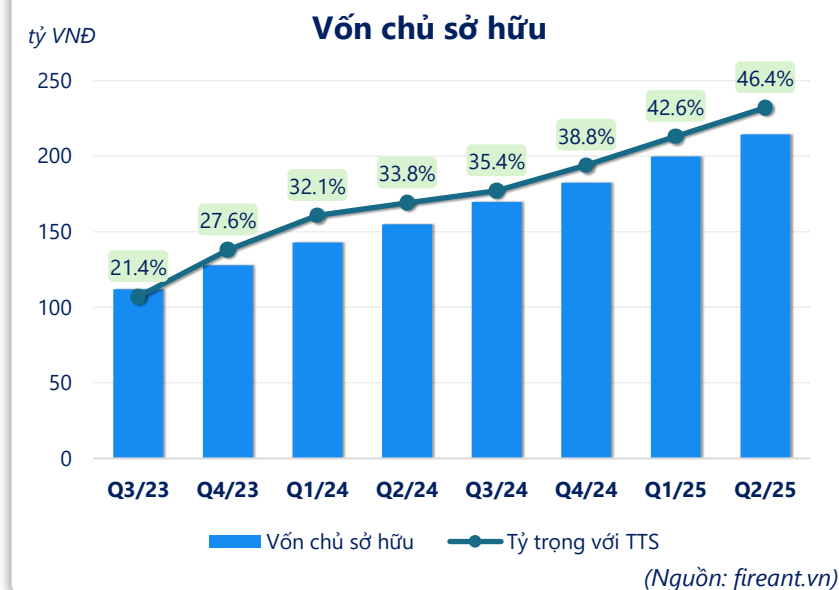
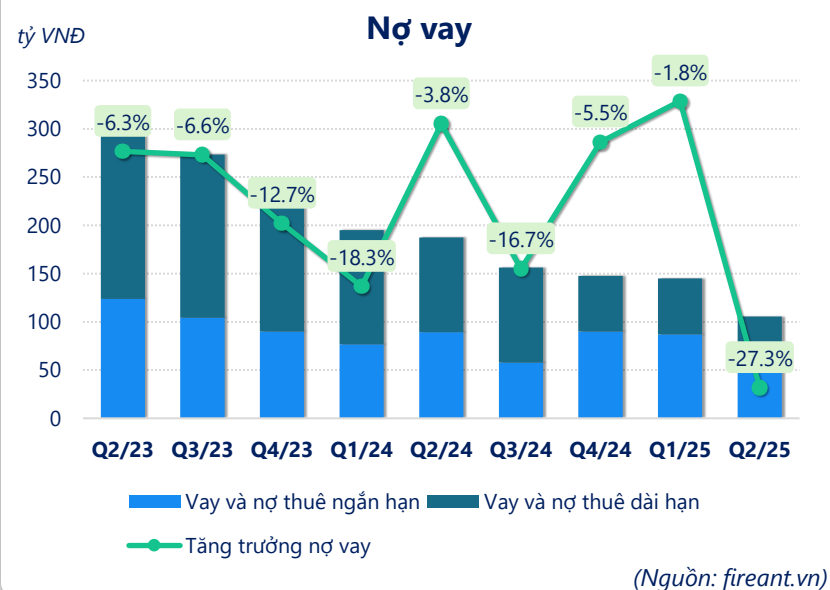
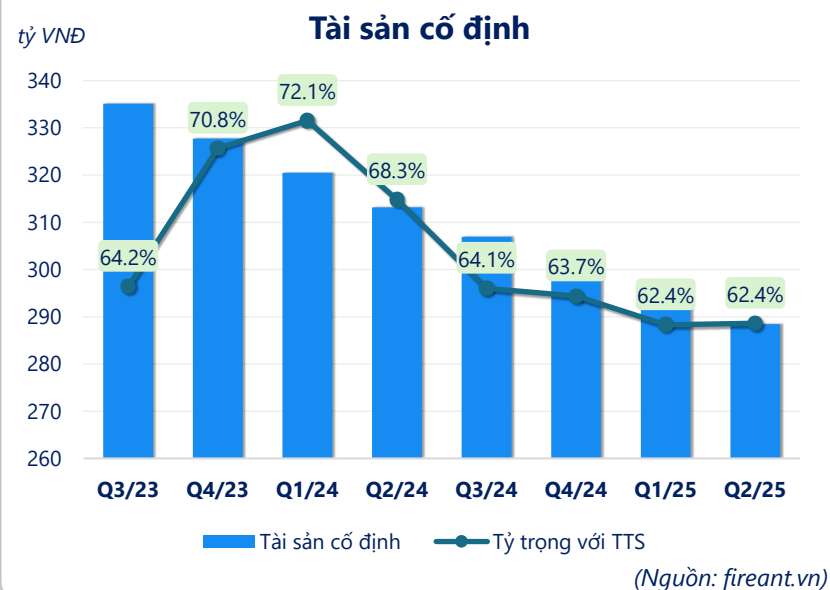
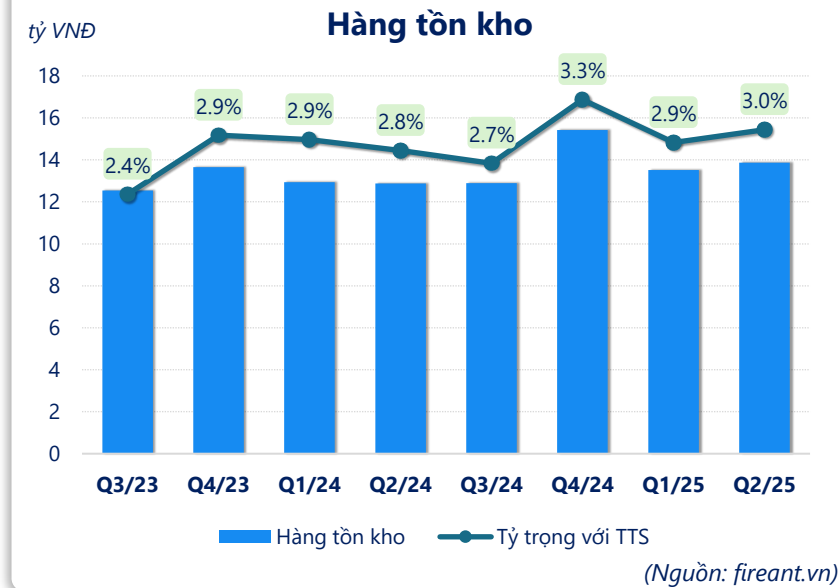
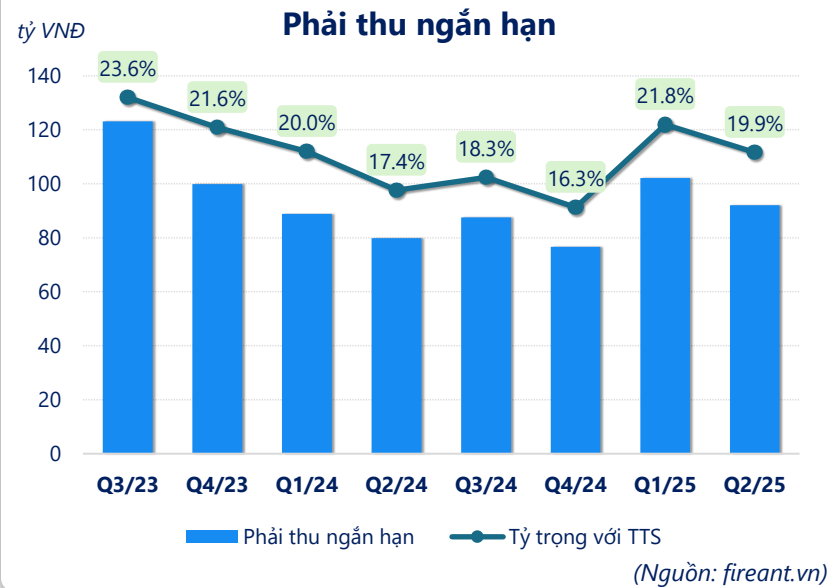
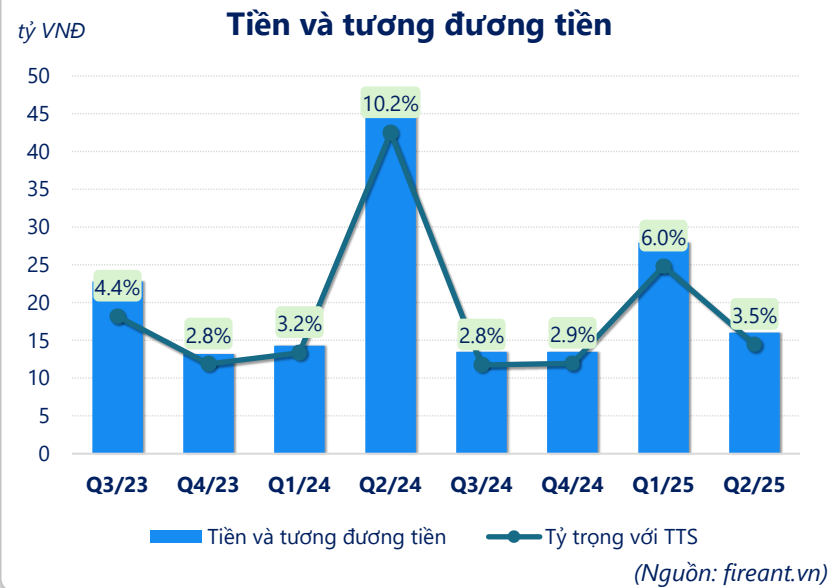
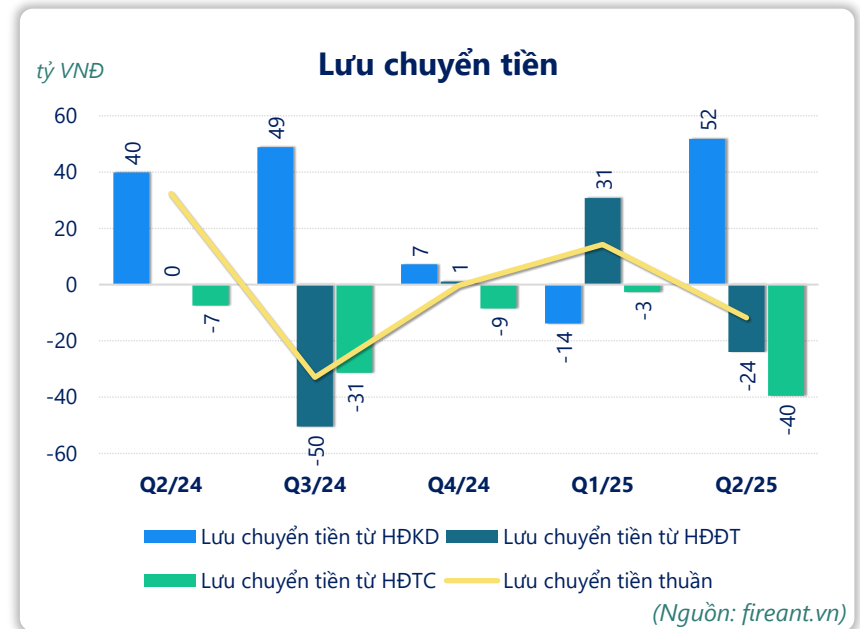
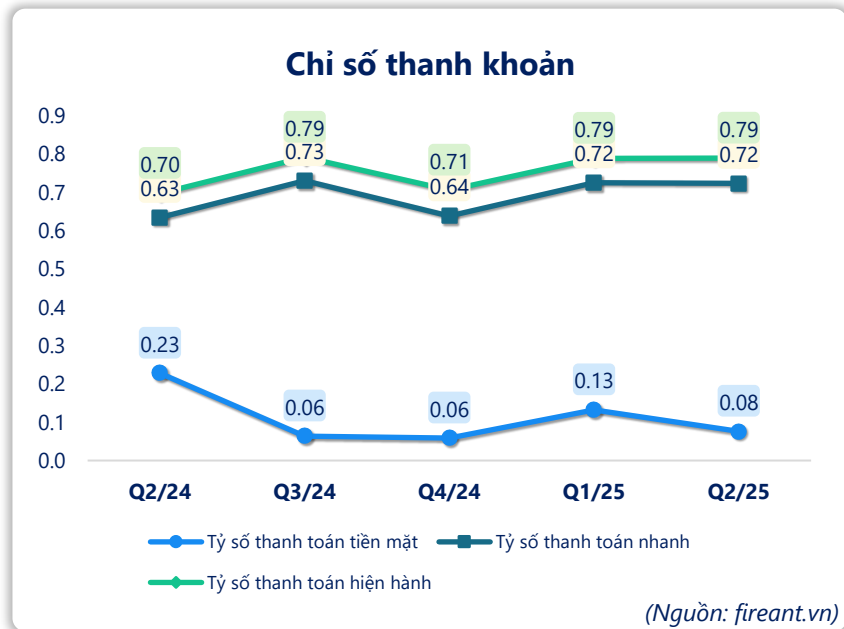
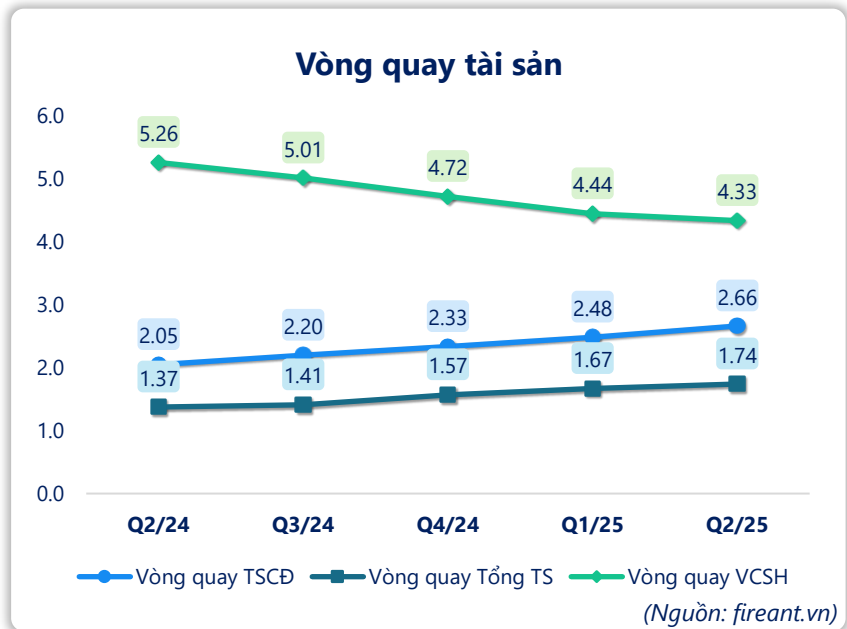
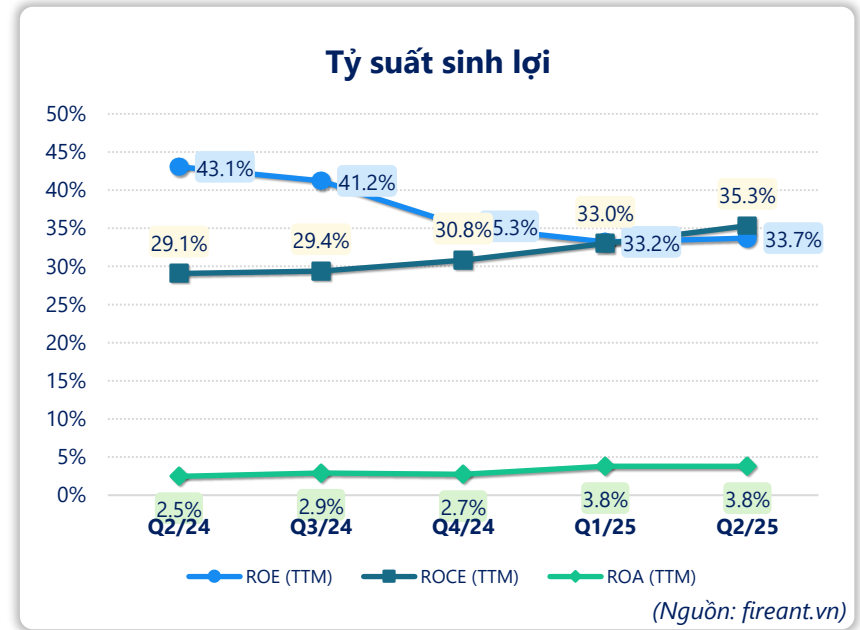
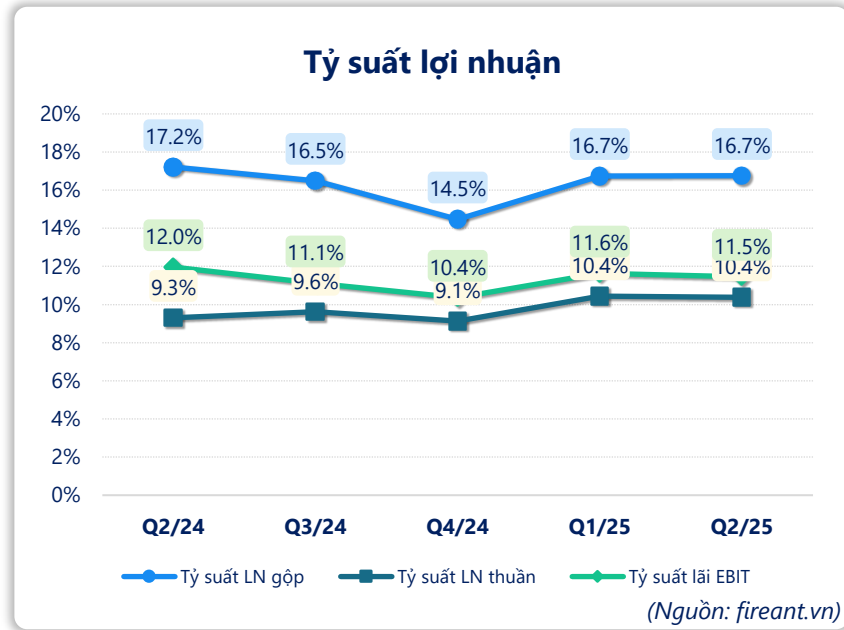
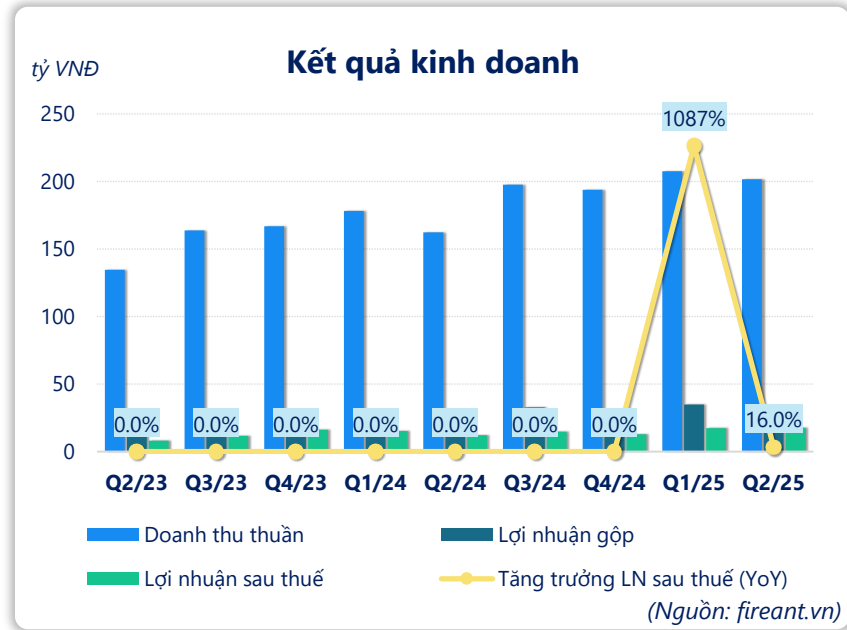


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,000
SL cổ phiếu LH		17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,160
% sở hữu nước ngoài		4.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		519
P/E		8.3
EPS		3,470

	YTD	1T	3T	6T
NCS	12.0%	3.6%	13.3%	9.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	462	472	-2.1%
Tài sản ngắn hạn	166	161	2.8%
Tiền và tương đương tiền	16.0	13.5	18.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.0	53.0	-18.9%
Phải thu ngắn hạn	92.1	78.5	17.3%
Hàng tồn kho	13.9	15.4	-10.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.62	0.77	-19.2%
Tài sản dài hạn	296	311	-4.7%
Phải thu dài hạn	1.60	0.56	185%
Tài sản cố định	288	300	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.33	10.6	-40.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	248	290	-14.5%
Nợ ngắn hạn	210	232	-9.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.7	89.8	-24.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	58.9	74.9	-21.4%
Nợ dài hạn	37.7	57.9	-34.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	37.7	57.9	-34.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	214	182	17.5%
Vốn chủ sở hữu	214	182	17.5%
Vốn điều lệ	179	179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	162	198	194	208	202
Giá vốn hàng bán	134	165	166	173	168
Lợi nhuận gộp	28.0	32.6	28.0	34.8	33.8
Doanh thu HĐTC	0.57	0.22	1.81	1.24	0.91
Chi phí TC	3.09	3.12	2.48	2.55	2.27
Chi phí lãi vay	4.31	2.81	2.35	2.44	2.14
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.80	3.87	3.22	4.09	3.81
Chi phí QLDN	6.52	6.79	6.44	7.69	7.67
LN thuần từ HĐKD	15.1	19.0	17.7	21.7	20.9
Lợi nhuận khác	0.01	0.12	0.03	0.03	0.03
LN trước thuế	15.1	19.2	17.7	21.7	21.0
Lợi nhuận sau thuế	12.1	14.6	12.8	17.4	17.5
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	14.6	12.8	17.4	17.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.9	48.9	7.22	-13.8	51.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	-50.5	1.04	30.8	-24.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.48	-31.4	-8.52	-2.68	-39.5
Tiền đầu kỳ	14.3	46.7	13.5	13.5	27.9
Lưu chuyển tiền thuần	32.4	-32.9	-0.26	14.3	-11.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.07	-0.30	0.26	0.16	-0.15
Tiền cuối kỳ	46.7	13.5	13.5	27.9	16.0

(Nguồn: fireant.vn)